

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN



Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Số hiệu: **VIMCERTS 304**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 304

(Cấp lần: 01)

Tên tổ chức:

Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường Navitek.

Trụ sở:

Lô F4, Tòa nhà Vạn Đạt, Số 12 đường CN8, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Hoàng Hoài Chức vụ: Tổng Giám đốc

CMND số: 011908174 do Công an Thành phố Hà Nội

Cấp ngày 21 tháng 5 năm 2009

Thời hạn của Giấy chứng nhận:

Từ ngày tháng năm 2022

Đến ngày tháng năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- | | | |
|------------------|------------------------|---------------------------------|
| - Nước mặt: | Lấy mẫu ☑: 05 thông số | Đo tại hiện trường: 09 thông số |
| - Nước thải: | Lấy mẫu ☑: 02 thông số | Đo tại hiện trường: 05 thông số |
| - Nước dưới đất: | Lấy mẫu ☑: 02 thông số | Đo tại hiện trường: 08 thông số |
| - Nước biển: | Lấy mẫu ☑: 05 thông số | Đo tại hiện trường: 07 thông số |
| - Nước mưa: | Lấy mẫu ☑: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 04 thông số |

2. Khí:

- | | | |
|-------------------------|------------------------|---------------------------------|
| - Không khí xung quanh: | Lấy mẫu ☑: 34 thông số | Đo tại hiện trường: 07 thông số |
| - Khí thải: | Lấy mẫu ☑: 35 thông số | Đo tại hiện trường: 11 thông số |

3. Đất:

Lấy mẫu ☑

4. Trầm tích:

Lấy mẫu ☑

5. Bùn thải:

Lấy mẫu ☑

6. Chất thải rắn:

Lấy mẫu ☑

7. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa chất ô nhiễm khó phân hủy: Lấy mẫu ☑: 04 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- | | |
|------------------|-------------|
| - Nước mặt: | 43 thông số |
| - Nước thải: | 38 thông số |
| - Nước dưới đất: | 44 thông số |
| - Nước biển: | 30 thông số |
| - Nước mưa: | 11 thông số |

2. Khí:

- | | |
|-------------------------|-------------|
| - Không khí xung quanh: | 25 thông số |
| - Khí thải: | 33 thông số |

3. Đất:

23 thông số

4. Trầm tích:

13 thông số

5. Bùn thải:

23 thông số

6. Chất thải rắn:

21 thông số

7. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa chất ô nhiễm khó phân hủy: 01 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân